

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN SINH HỌC ĐẠI CƯƠNG - 2017
(Lớp Công nghệ Thông tin)
TÌM 1 DỮ KIẾN ĐÚNG NHẤT TRONG 4 DỮ KIẾN ĐƯỢC NÊU

1. Tìm trình tự đúng (độ mạnh tới yếu của các liên kết hóa học yếu):

- a. Liên kết van de Waals - kỵ nước - hydro - tĩnh điện.
- b. Liên kết kỵ nước - hydro - van de Waals - tĩnh điện.
- c. Liên kết hydro - tĩnh điện - kỵ nước - van de Waals.
- d. Liên kết kỵ nước - van de Waals - tĩnh điện - hydro.

2. “Hoạt động của tim và máu ở động vật” là tác phẩm của:

- a. Aristote.
- b. Hippocrates.
- c. William Harvey.
- d. Andreas Vesalius.

3. Bộ gen người có khoảng:

- a. 1,8 tỷ cặp Nu.
- b. 32 tỷ cặp Nu.
- c. 3,2 tỷ cặp Nu.
- d. 2,3 tỷ cặp Nu.

4. Tìm thứ tự đúng:

- a. Gastrula - Zygote - Morula - Fetus.
- b. Zygote - Embryo - Morula - Blastocyst.
- c. Gamete - Blastocyst - Morula - Gastrula.
- d. Blastocyst - Gastrula - Zygote - Body.

5. Tìm câu sai:

- a. Trong cơ thể người nước có khối lượng lớn nhất.
- b. Máu và não người có tới 80% là nước.
- c. Mô cơ của người có tới 75% là nước.
- d. Da của người có khoảng 20-30% là nước.

6. Một người nặng 70kg có thể có:

- a. 100g Natri, 7kg Hydro, 45kg Oxy.
- b. 900g Phosphat, 3kg Carbon, 59g Clorua.
- c. 2kg Nitrogen, 100g Kali, 1,7kg Hydro.
- d. 95g Clorua, 45kg Oxy, 250g Lưu huỳnh.

7. Các nguyên tố trong cơ thể người có thứ tự từ ít tới nhiều:

- a. Carbon < Lưu huỳnh < Hydro < Kali.
- b. Clorua < Calcium < Hydro < Oxy.
- c. Lưu huỳnh < Phosphat < Carbon < Clorua.
- d. Hydro < Oxy < Kali < Nitrogen.

8. Nguyên tố Natri trong cơ thể người:

- a. Không tồn tại ở dạng ion tự do.
- b. Không có ở mô thần kinh.
- c. Có thể kết hợp với Clorua.
- d. Có thể liên kết hóa trị với Kali.

9. Tìm câu sai:

- a. Các bệnh về máu có thể liên quan tới sắt.
- b. I-ốt tham gia vào việc tạo mô xương.
- c. Sắt có nhiều trong mô máu và mô cơ.
- d. Phospho có trong mô xương.

10. Tế bào người:

- a. Có thể có cấu trúc lông và roi.
- b. Không có khả năng tự vận động.
- c. Luôn chứa nhiều không bào.
- d. Thường có cấu trúc “cầu liên bào”.

11. Đĩa phôi giữa (trung mô) cho ra các tế bào:

- a. Tế bào máu, tế bào cơ trơn, tế bào sinh dục.
 - b. Tế bào thận, tế bào phổi, tế bào thần kinh.
 - c. Tế bào cơ xương, tế bào xương, tế bào tủy.
 - d. Tế bào cơ trơn, tế bào thận, tế bào hồng cầu.
12. Apoptosis là thuật ngữ dùng để chỉ:
- a. Một giai đoạn phát triển của tế bào.
 - b. Một trạng thái của tế bào.
 - c. Một cấu trúc của tế bào.
 - d. Một loại tế bào.
13. Telomer là một cấu trúc:
- a. Lõi của các nhiễm sắc thể.
 - b. Khảm ở đầu các gen.
 - c. Khảm ở đầu các nhiễm sắc thể.
 - d. Chỉ có ở tế bào gốc.
14. Trình tự lặp lại của telomer:
- a. TATGGG.
 - b. TTGGGG.
 - c. GGTTGG.
 - d. TGGGTT.
15. Gastrula là:
- a. Thuật ngữ chỉ sự định vị của phôi trên thành tử cung.
 - b. Thời điểm các tế bào sắp xếp tạo ba lớp đĩa (lá).
 - c. Giai đoạn lớp lá nuôi phôi bắt đầu hoạt động.
 - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
16. Bốn hệ mô cơ bản là:
- a. Mô cơ, mô biểu bì, mô thần kinh, mô liên kết.
 - b. Mô liên kết, mô xương, mô biểu bì, mô thần kinh.
 - c. Mô sụn, mô xương, mô cơ, mô lưới.
 - d. Mô máu, mô thần kinh, mô liên kết, mô cơ.
17. Lá/đĩa phôi trong (nội mô) cho ra các hệ cơ quan:
- a. Hệ da bì, hệ nội tiết, hệ tuần hoàn.
 - b. Hệ hô hấp, hệ tiêu hóa, hệ da bì.
 - c. Hệ tuần hoàn, hệ máu, hệ xương.
 - d. Hệ niệu sinh dục, hệ tiêu hóa, hệ cơ.
18. Mô liên kết có thể bao gồm:
- a. Mô máu, mô liên kết chính thức, mô bì.
 - b. Mô xương, mô sụn, mô cơ.
 - c. Mô liên kết chính thức, mô máu, mô sụn.
 - d. Mô thần kinh, mô lưới, mô liên kết chính thức.
19. Thuật ngữ Scaffold:
- a. Dùng để chỉ một cấu trúc giúp tế bào bám dính.
 - b. Là tên gọi của một phân tử ngoại bào.
 - c. Là tên gọi của một loại hóa chất.
 - d. Là tên gọi của một kỹ thuật trong công nghệ mô.
20. Màng hoạt dịch:
- a. Có chức năng tiết các enzym.
 - b. Bao bọc khớp và gân.
 - c. Có nguồn gốc từ biểu mô.
 - d. Tiêu biến dần theo tuổi.
21. Bạch huyết:
- a. Có chức năng chính trong miễn dịch.
 - b. Là máu được loại bỏ các tế bào hồng cầu.
 - c. Còn được coi là dịch ngoại bào (dịch kẽ).
 - d. Chính là dịch nội bào.
22. Cơ hoành:
- a. Ngăn cách giữa khoang bụng và khoang ngực.
 - b. Liên kết các xương sườn với nhau.
 - c. Có vai trò quan trọng trong hoạt động hô hấp.
 - d. Có điểm bám là xương chậu.
23. Mô mỡ:

- a. Có thể xuất hiện trong các mạch máu.
 - b. Luôn chứa các tế bào gốc.
 - c. Là nguồn dự trữ năng lượng của cơ thể.
 - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
24. *Huyết tương (plasma):*
- a. Luôn có nồng độ muối NaCl hoà tan 9%.
 - b. Còn được gọi là dịch bạch huyết.
 - c. Là chất nền căn bản của mô máu.
 - d. Là huyết thanh đã loại bỏ yếu tố đông máu.
25. *Dịch ngoại bào và dịch nội bào:*
- a. Đều có nồng độ ion tự do giống nhau.
 - b. Có cùng một chức năng sinh lý.
 - c. Có thành phần và tính chất khác nhau.
 - d. Đều được coi là huyết thanh.
26. *Ở động vật có vú, sự thụ tinh diễn ra:*
- a. Trong tử cung.
 - b. Trong âm hộ.
 - c. Trong ống dẫn trứng.
 - d. Trong buồng trứng.
27. *Phospho và Canxi:*
- a. Có nhiều trong mô xương.
 - b. Là thành phần chính trong bào xương.
 - c. Là thành phần chính trong cấu trúc ATP.
 - d. Có nhiều trong mô mỡ.
28. *Tìm dữ kiện sai:*
- a. Động mạch luôn có cấu trúc phân nhánh.
 - b. Tĩnh mạch luôn có cấu trúc chụm nhánh.
 - c. Mao mạch luôn chứa máu giàu oxy.
 - d. Động mạch phổi chứa máu nghèo oxy.
29. *Việc chữa lành vết thương ở da có vai trò lớn của:*
- a. Tế bào keratin.
 - b. Phân tử collagen.
 - c. Phân tử pepsine.
 - d. Phân tử cholesteron.
30. *Các cơ quan thuộc hệ tiêu hóa:*
- a. Hàu - gan - tụy - manh tràng.
 - b. Thực quản - mật - tá tràng - thận.
 - c. Tuyến thượng thận - mật - gan - dạ dày.
 - d. Trục tràng - tuyến ức - cơ hoành - dạ dày.
31. *Hệ tiêu hóa:*
- a. Có chức năng tạo nước tiểu.
 - b. Có thể duy trì nhóm vi sinh vật cộng sinh.
 - c. Trực tiếp tạo nhiệt cho cơ thể.
 - d. Không có nguồn gốc biểu bì.
32. *Lá nuôi (Trophoblast):*
- a. Hình thành từ lớp tế bào hạt.
 - b. Tạo nhau thai cho phôi.
 - c. Hình thành lớp ngoại bì của phôi.
 - d. Giúp phôi di chuyển.
33. *Cấp độ cơ thể:*
- a. Được cho là đơn vị của sự sống.
 - b. Không có khả năng bảo tồn vật liệu di truyền.
 - c. Không nằm trong cấu trúc của hệ sinh thái.
 - d. Còn được coi là “hàng rào gen”.
34. *Đặc điểm của khoang ngực:*
- a. Luôn có áp lực âm so với khí quyển.

- b. Bảo vệ tim, phổi và gan.
 - c. Không có khả năng thay đổi thể tích.
 - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
35. Tế bào cơ:
- a. Còn được coi là bó cơ.
 - b. Chứa nhiều ion sắt.**
 - c. Hình thành ở giai đoạn phôi dậu.
 - d. Có khả năng thực bào.
36. Tìm thứ tự đúng các cấp độ liên tiếp của sự sống:
- a. Tế bào - mô - cơ quan.**
 - b. Cơ quan - hệ cơ quan - mô.
 - c. Cơ thể - tế bào - cơ quan.
 - d. Mô - phân tử - tế bào.
37. I-ốt rất cần cho hormon:
- a. Tuyến giáp.**
 - b. Tuyến cận giáp.
 - c. Tuyến tụy.
 - d. Tuyến ức.
38. Tìm trình tự đúng:
- a. Sợi cơ - bó cơ - bắp cơ - tơ cơ.
 - b. Tơ cơ - sợi cơ - bó cơ - bắp cơ.**
 - c. Xơ cơ - bó cơ - sợi cơ - tơ cơ.
 - d. Bó cơ - bắp cơ - tơ cơ - sợi cơ.
39. Các tế bào lympho:
- a. Thuộc nhóm tế bào có hạt.
 - b. Có khả năng thực bào mạnh.
 - c. Tham gia cơ chế miễn dịch.**
 - d. Sản xuất fibrin.
40. Melanin là sản phẩm của:
- a. Tế bào sắc tố.**
 - b. Tế bào sừng.
 - c. Tế bào Langerhan.
 - d. Tế bào Merkel.
41. Thứ tự đúng của tầng thượng bì (da):
- a. Lớp đáy - lớp hạt - lớp gai - lớp sừng.
 - b. Lớp sừng - lớp gai - lớp hạt - lớp đáy.
 - c. Lớp đáy - lớp gai - lớp hạt - lớp sừng.**
 - d. Lớp hạt - lớp gai - lớp đáy - lớp sừng.
42. Tế bào mỡ:
- a. Luôn có hại cho cơ thể.
 - b. Có thể sản xuất hormon.**
 - c. Có nguồn gốc từ mô cơ.
 - d. Chỉ xuất hiện khi cơ thể trưởng thành.
43. Đặc điểm của khoang ngực:
- a. Chứa các cơ quan tim, phổi và gan.
 - b. Được lót bởi màng hoạt dịch.
 - c. Có thể thay đổi thể tích.**
 - d. Tiếp giáp với khoang chậu.
44. Phân biệt động mạch và tĩnh mạch:
- a. Có thể dựa vào tốc độ máu chảy.
 - b. Có thể dựa vào hướng máu chảy.
 - c. Có thể dựa vào màu sắc của máu.
 - d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.**
45. Actin và Myosin là các protein:
- a. Khảm trên màng tế bào.
 - b. Có nhiều ở tế bào thần kinh.
 - c. Có nhiều ở các tế bào cơ.**
 - d. Chỉ có trong tủy xương đỏ.

46. Các tế bào hồng cầu:
- Luôn có nhiều nhân DNA.
 - Có kích thước đồng đều nhau.
 - Có khả năng sản xuất kháng thể.
 - Có tuổi thọ suốt đời.
47. Lympho T là tế bào:
- Sản xuất kháng thể.
 - Thuộc nhóm tế bào có hạt.
 - Có khả năng thực bào.
 - Được biệt hóa từ tuyến ức.
48. Van tim hai lá:
- Nằm giữa tâm thất trái và động mạch chủ.
 - Nằm giữa tâm nhĩ trái và tâm thất trái.
 - Nằm giữa tâm thất phải và động mạch phổi.
 - Nằm giữa tâm nhĩ phải và tâm thất phải.
49. Tâm thất phải:
- Đưa máu đi nuôi cơ thể.
 - Đưa máu lên phổi.
 - Thông với tâm nhĩ trái.
 - Có máu giàu oxy.
50. Ống mật đổ vào:
- Dạ dày.
 - Ruột non.
 - Tá tràng.
 - Manh tràng.
51. Các túi khí (phế nang) ở phổi người:
- Có số lượng 300 triệu.
 - Có tổng diện tích bề mặt tiếp xúc 170m^2 .
 - Có tổng dung tích trung bình 3 lít khí.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
52. Tuyến tụy:
- Sản xuất men tiêu hóa đổ vào dạ dày.
 - Là tuyến ngoại tiết và nội tiết.
 - Sản xuất tyrosin và insulin.
 - Là cơ quan tích trữ đường.
53. Thuật ngữ "lát - vuông - trụ":
- Liên quan tới cấu trúc của mô liên kết.
 - Mô tả hình thái của các tế bào xương.
 - Cho biết tính chất sinh học của da.
 - Liên quan tới cấu trúc của biểu mô.
54. Acrosome là thuật ngữ:
- Mô tả sự hình thành tinh trùng.
 - Cho biết trạng thái của tế bào sinh dục.
 - Chỉ tên một cấu trúc có vai trò trong sự thụ tinh.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
55. Để ngăn cản thụ tinh đa tinh trùng:
- Trứng thay đổi cấu trúc màng sinh chất.
 - Trứng tiết enzym diệt tinh trùng.
 - Trứng thay đổi bản chất màng thụ tinh.
 - Trứng cô lập tinh trùng trong bào tương.
56. Các mạch máu được tạo ra:
- Ở thời kỳ phôi nang.
 - Từ trung bì.
 - Từ các phần phụ (lớp tế bào ngoài) của phôi.
 - Từ các hạch bạch huyết.
57. Van tim ba lá:

- a. Điều hoà máu lưu thông trong tĩnh mạch.
 - b. Ngăn cách xoang nhĩ và xoang thất.**
 - c. Ngăn cách giữa xoang thất và tĩnh mạch.
 - d. Ngăn cách giữa động mạch chủ và xoang thất.
58. Tiểu cầu:
- a. Có kích thước lớn nhất trong các tế bào máu ngoại vi.
 - b. Chỉ tồn tại ở tĩnh mạch.
 - c. Có chức năng vá mạch.**
 - d. Có thể sản xuất protein kháng thể.
59. Chiếm khối lượng lớn nhất trong cơ thể:
- a. Là mô cơ.
 - b. Là mô biểu bì.
 - c. Là mô máu.
 - d. Là mô liên kết.**
60. Trình tự phát triển của tế bào trứng:
- a. Noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào - noãn bào thứ cấp.
 - b. Noãn bào thứ cấp - noãn bào sơ cấp - noãn nguyên bào.
 - c. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - trứng trưởng thành.
 - d. Noãn nguyên bào - noãn bào sơ cấp - noãn bào thứ cấp.**
61. Xương sống được cấu tạo từ:
- a. 13 xương.
 - b. 23 xương.
 - c. 33 xương.**
 - d. 43 xương.
62. Cơ thể của người có:
- a. 60 khớp.
 - b. 360 khớp.**
 - c. 260 khớp.
 - d. 160 khớp.
63. Tìm trình tự đúng:
- a. Tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp - tinh tử.**
 - b. Tinh tử - tinh nguyên bào - tinh bào sơ cấp.
 - c. Tinh bào sơ cấp - tinh tử - tinh nguyên bào.
 - d. Tinh bào sơ cấp - tinh nguyên bào - tinh tử.
64. Mục đích của hỗ trợ sinh sản:
- a. Tạo thai ngoài tử cung.
 - b. Tạo phôi ngoài tử cung.**
 - c. Chỉ dành cho nam giới.
 - d. Chỉ dành cho nữ giới.
65. Tế bào gốc phôi người đã được thu nhận từ:
- a. Dây rốn.
 - b. Công nghệ nhân bản.
 - c. Phôi nang.**
 - d. Năm 1999.
66. Mô sụn:
- a. Là mô liên kết chính thức.
 - b. Có mặt ở tất cả các xương.
 - c. Yếu tố nền của mô chứa nhiều chất cartilagein.**
 - d. Không chứa ion canxi và phân tử collagen.
67. Sự dẫn truyền xung thần kinh:
- a. Phụ thuộc khe synap.**
 - b. Chủ yếu trên vỏ não.
 - c. Nhờ các tế bào thần kinh đệm.
 - d. Chỉ diễn ra trong tủy sống.
68. Giới tính của người được tác động bởi các hormon:
- a. Estrogen và Adrenalin.

- b. Testosteron và Acetylcholin.
 - c. Estrogen và Testosteron.**
 - d. Adrenalin và Acetylcholin.
69. Dự án ECODE về bộ gen người:
- a. Có mục đích giải trình tự bộ gen người.
 - b. Có mục đích giải mã chức năng gen người.**
 - c. Được công bố hoàn thành năm 2004.
 - d. Tiêu tốn 3 tỷ đô la Mỹ.
70. Trong mô sống, các nguyên tố trực tiếp tạo chất hữu cơ:
- a. S, N, H.**
 - b. O, C, Fe.
 - c. N, P, Cl.
 - d. C, K, Na.
71. Câu nói “Mọi cuộc sống đều bắt đầu từ trứng” là của:
- a. C. Darwin.
 - b. A. Oparin.
 - c. G. Mandel.
 - d. L. Pasteur.**
72. Tìm dữ kiện sai:
- a. Natri không tham gia vào hoạt động thần kinh.**
 - b. Natri có vai trò lớn trong việc tạo điện thế màng.
 - c. Độ mặn của huyết tương do Na và Cl quyết định.
 - d. Nồng độ ion Na ngoài màng tế bào cao hơn bên trong.
73. Tìm ý sai:
- a. Phổi có thể đào thải khí, nước và nhiệt.
 - b. Phổi có thể đào thải acid.
 - c. Sự trao đổi khí chỉ diễn ra ở phổi.**
 - d. Các tiểu phế quản cũng trao đổi khí.
74. Trong cơ thể, các nguyên tố sau được coi là “vết” (vi lượng):
- a. Al, Mo, Mg, Si, K.
 - b. B, Na, Zn, Cl, Co.
 - c. Fe, Mn, I, Cu, Zn.**
 - d. Ag, Au, P, H, S.
75. Công nghệ tạo dòng vô tính người (cloning):
- a. Được phép thực hiện ở Vương quốc Anh.
 - b. Được tiến hành bởi Thomson và cộng sự.
 - c. Bị cấm ở tất cả các quốc gia.**
 - d. Được phép với mục đích thu nhận cơ quan.
76. Tìm một dữ kiện có thể là sai:
- a. Các synap thần kinh cho phép xung thần kinh qua lại.**
 - b. Bệnh Alzheimer có thể gây mất trí nhớ dài hạn.
 - c. Hormon Acetylcholin được khuếch tán qua khe synap.
 - d. Mô thần kinh có 2 nhóm tế bào: neuron và các tế bào đệm.
77. Thận:
- a. Là cơ quan có thể tái hấp thu một số chất đạm.**
 - b. Có chức năng chính là đào thải đường glucose.
 - c. Là cơ quan sản xuất hormon Adrenalin.
 - d. Có cấu trúc đôi, gồm quả thận và tuyến thượng thận.
78. Gan:
- a. Giúp cơ thể tạo sắc tố da.
 - b. Liên quan tới chứng vàng da ở người.**
 - c. Sẽ bị ung thư ở người uống rượu bia.
 - d. Có khả năng tái sinh.
79. Ở Việt Nam:
- a. Luật pháp cho phép nghiên cứu và ứng dụng tế bào gốc.
 - b. Được phép biến đổi gen ở phôi thai và trẻ sơ sinh.

- c. Có thể ứng dụng công nghệ tế bào gốc với sự kiểm soát.
d. Không được phép mang thai hộ.
80. Tuổi của phôi thai được tính:
a. Khi tinh trùng xâm nhập vào trứng.
b. Khi có tái tổ hợp gen giữa trứng và tinh trùng.
c. Bắt đầu từ giai đoạn phôi nang.
d. Bắt đầu từ giai đoạn phôi dâu.
81. Lưỡi:
a. Có sự phân bố đồng đều các chồi vị giác (Taste buds).
b. Có nguồn gốc hình thành từ mô cơ.
c. Chứa các neuron cảm giác.
d. Có thể cảm nhận được mùi.
82. Tai ngoài và tai trong:
a. Là hai cấu trúc phụ của tai giữa.
b. Phát triển ở tháng thứ 2 của thai kỳ.
c. Được ngăn cách bởi xương bàn đạp.
d. Được ngăn cách bởi màng nhĩ.
83. Huyết thanh (serum):
a. Chứa các protein.
b. Là dịch lỏng của máu có chứa fibrin.
c. Được thu nhận sau khi ly tâm.
d. Luôn được bảo quản ở 37°C.
84. Cấu trúc màng tế bào người:
a. Có khả năng các phân tử kháng nguyên nhóm máu.
b. Có khả năng các phân tử collagen.
c. Có nhiều phân tử cholesterol khảm màng.
d. Ổn định, không thay đổi suốt cuộc đời của cơ thể.
85. Có nhiều ý kiến chống lại công nghệ thụ tinh trong ống nghiệm:
a. Bởi cho rằng đó là sự sinh sản “không tự nhiên”.
b. Bởi không thể không kiểm soát được sự cân bằng giới tính.
c. Bởi lo ngại có thiết kế gen, tạo sự ưu sinh.
d. Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
86. Bạn cầm ly cà phê đá và nhận thấy tay mình lạnh buốt là nhờ:
a. Vai trò của thụ thể Krause.
b. Vai trò của thụ thể Merkel.
c. Vai trò của thụ thể Pacinian.
d. Nhiệt độ ở tay bạn cao hơn nhiệt độ ở ly cà phê đá.
87. Nuôi cấy tế bào người trong ống nghiệm không dễ dàng bởi:
a. Luật pháp không cho phép.
b. Khó thiết lập môi trường nuôi cấy.
c. Tế bào dễ bị thay đổi kiểu hình.
d. Khó tìm được nguồn tế bào sống của người.
88. Gout là một bệnh của xương khớp, có nguyên nhân:
a. Do nhiều lần bị tai nạn bong gân.
b. Liên quan tới acid uric tại khớp.
c. Thiếu canxi, làm xương bị loãng, yếu.
d. Tổn thương màng bao hoạt dịch.
89. Nhịp tim của mỗi người:
a. Có cùng tần số với nhịp thở của phổi.
b. Không thay đổi theo tuổi đời.
c. Được xác định vào tuần thứ 13-16 của thai.
d. Giúp xác định lưu lượng máu qua tim.
90. Bán cầu đại não:
a. Gồm vỏ não và dịch não tủy.
b. Tạo nhiều nếp gấp.
c. Không chứa trung khu vận động.

- d. Nơi tập trung cả “chất xám” và “chất trắng”.
91. Sự thiết lập cung phản xạ (Reflex arc) thần kinh:
- Trước hết phải có tác nhân kích thích.
 - Phải có sự tham gia của vỏ não.
 - Do các tế bào đệm thần kinh thực hiện.
 - Nhằm phản ứng với các tác nhân gây bệnh.
92. Cơ sở nền tảng của Y học tái tạo (Regenerative Medicine) là:
- Công nghệ gen.
 - Kỹ nghệ mô.
 - Liệu pháp tế bào gốc.
 - Công nghệ hỗ trợ sinh sản.
93. Áp lực của “cơ lũ bệnh tật” lên cơ thể con người:
- Sẽ ảnh hưởng lên trật tự sinh học của bộ gen người.
 - Thúc đẩy nhiều kỹ thuật sinh học hiện đại mới ra đời.
 - Khiến nhiều chức năng sinh lý của cơ thể thay đổi.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều sai.
94. Đặc điểm của dịch gian bào (ngoại bào) ở cơ thể người:
- Luôn có độ pH cao hơn dịch nội bào.
 - Nồng độ ion canxi thường thấp hơn dịch nội bào.
 - Ổn định, ít thay đổi thành phần.
 - Không chứa đường glucose và lactose.
95. Tế bào iPS (Induced pluripotent stem cell):
- Được hiểu là tế bào gốc vạn năng nhân tạo.
 - Được hiểu là tế bào gốc cảm ứng gen.
 - Được hiểu là tế bào gốc giống tế bào gốc phôi.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
96. Răng sữa ở người:
- Chưa có cấu trúc tủy răng.
 - Có đúng 20 cái.
 - Có bản chất là mô sụn.
 - Được thay hoàn toàn khi cơ thể 4-5 tuổi.
97. Bản chất của công nghệ hỗ trợ sinh sản:
- Thao tác tế bào sinh dục trong ống nghiệm.
 - Tạo sự thụ tinh có kiểm soát.
 - Cần sự hợp tác kỹ thuật giữa Y học và Sinh học.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
98. Amidan họng:
- Là túi chứa dịch bạch huyết.
 - Là tổ chức nằm ở đầu thực quản.
 - Có chức năng tiết nước bọt.
 - Là cấu trúc van phân chia thực quản với thanh quản.
99. Mật:
- Là cơ quan tham gia cơ chế miễn dịch.
 - Giúp cơ thể cân bằng pH của dịch mô.
 - Giúp cơ thể lọc máu.
 - Là cơ quan chứa các dịch do gan sản xuất.
100. Bệnh nhồi máu cơ tim:
- Do nhịp co bóp của tim bị lỗi.
 - Do cơ tim bị tổn thương không hồi phục.
 - Do máu của mạch vành (nuôi tim) bị đông.
 - Do tổn thương các van tim.
101. Trong cơ thể người, dây chằng (Ligament):
- Nối các xương và tạo bao khớp.
 - Tính đàn hồi cao, có thể tăng giãn chiều dài tới 14%.
 - Không có cấu trúc mạch máu và dây thần kinh.
 - Chính là gân (Tendon).

102. *Hiện tượng mang thai ngoài tử cung:*
- Do thai phát triển trong khoang bụng.
 - Khi sanh, người mẹ phải tiến hành sanh mổ.
 - Do thai phát triển ngay trong ống dẫn trứng.
 - Khi em bé ra đời thường bị dị tật.
103. *Bệnh đái tháo đường (Diabetes) type 1 ở người:*
- Liên quan tới tế bào β tiểu đảo, có thể di truyền.
 - Là bệnh tự miễn, có thể xảy ra ở người trẻ tuổi.
 - Có thể do dinh dưỡng và không thể chữa trị khỏi.
 - Có hai trong số ba dữ kiện trên là đúng.
104. *Phế nang:*
- Là thùy trái của phổi.
 - Là thùy phải của phổi.
 - Là túi nhỏ chứa khí.
 - Là cấu trúc tạo ra phế quản.
105. *Các tế bào của người trưởng thành:*
- Không còn khả năng phân bào nguyên nhiễm.
 - Trong điều kiện sinh lý bình thường sẽ có 3 cách chết.
 - Có khả năng phân biệt hóa (*Dedifferentiation*).
 - Không còn khả năng phân bào giảm nhiễm.
106. *Tuyến tụy:*
- Là cơ quan có chức năng sản xuất hormon Glucagon.
 - Là cơ quan có chức năng sản xuất enzym phân giải đường.
 - Được cấu trúc bởi các tế bào tiểu đảo tụy.
 - Tạo các sản phẩm đổ vào gan.
107. *Cơ thể em bé ra đời dễ bị còi xương:*
- Vì thiếu canxi.
 - Vì thiếu vitamin D, B.
 - Chế độ dinh dưỡng của người mẹ kém lúc mang thai.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
108. *Hệ nội tiết của người:*
- Hoạt động chủ yếu ở dịch kẽ tế bào.
 - Hoạt động theo cơ chế tác động ngược (feed-back).
 - Có vai trò miễn dịch, bảo vệ cơ thể.
 - Giảm hoạt tính khi cơ thể già.
109. *Các thụ thể thần kinh ở da:*
- Đều kết nối với não hay tủy sống.
 - Nằm ở trung tâm lớp thượng bì.
 - Tiếp nhận kích thích để tạo ra cảm xúc.
 - Các dữ kiện trên (a,b,c) đều đúng.
110. *Lách:*
- Là cơ quan tiết dịch nhầy và mồ hôi.
 - Là cơ quan sản xuất dịch tiêu hóa.
 - Cấu trúc đôi: một bên phải, một bên trái khoang ngực.
 - Là một hạch lympho lớn.